**MỞ ĐẦU**

Mỗi quốc gia đều tự xây dựng cho mình một hệ thống pháp luật riêng nhằm khẳng định chủ quyền cũng như bảo vệ quyền lợi cho công dân nước mình. Tuy nhiên, giữa các hệ thống pháp luật này luôn có sự khác nhau, thậm trí là trái ngược nhau do những nguyên nhân về điều kiện về kinh tế, chính trị, xã hội hay hoàn cảnh địa lý… Trong xu thế hội nhập toàn cầu hiện nay, ít hay nhiều các quốc gia sẽ xích lại gần nhau để cùng hợp tác và phát triển. Ở đó, xung đột pháp luật xảy ra khi hai hay nhiều HTPL đồng thời đều có thể áp dụng đề điều chỉnh một QHPL nào đó. Do vậy, sẽ có những cách thức để giải quyết các xung đột pháp luật nói trên như: phương pháp xung đột, phương pháp thực chất. Tuy nhiên, việc làm rõ những ưu điểm, hạn chế của chúng hay thực tế áp dụng các phương pháp này trong Tư pháp quốc tế như thế nào? Và việc áp dụng cụ thể các phương pháp trên tại Việt Nam ra sao sẽ cho chúng ta một cái nhìn hoàn chỉnh hơn trong TPQT về phương pháp giải quyết xung đột pháp luật cả về lý luận và thực tiễn.

**NỘI DUNG**

**I.  Khái quát về phương pháp giải quyết xung đột pháp luật**

XĐPL là một vấn đề quan trọng trong TPQT. Nó cũng là cơ sở để hình thành nên những phương pháp giải quyết XĐPL hay phương pháp điều chỉnh của TPQT. Có thể hiểu, phương pháp giải quyết XĐPL là việc các quốc gia lựa chọn một hệ thống pháp luật nào đó để áp dụng giải quyết một quan hệ phát luật phát sinh. Điều này có nghĩa là việc lựa chọn HTPL nào để áp dụng sẽ không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của Tòa án có thẩm quyền hoặc sẽ không phụ thuộc vào ý chí của các bên tham gia quan hệ đó nữa. Đây cũng là mục đích của TPQT nhằm đảm bảo giải quyết các tranh chấp có thể phát sinh một cách khách quan, trọn vẹn trên cơ sở hợp tác bình đẳng, bảo đảm lợi ích hài hòa giữa các quốc gia.

Thực tế hiện nay, TPQT ở các nước đều có những cách thức và biện pháp rất riêng và đặc thù của mình để điều chỉnh và phân định quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia vào các QHPL dân sự mang tính chất quốc tế. Đó là hai phương pháp điều chỉnh, cụ thể:

+ Phương pháp xung đột

+ Phương pháp thực chất

Nhìn chung, mỗi phương pháp lại có những ưu thế và hạn chế nhất định tác động hỗ trợ, bổ sung cho nhau. Do đó, việc phối hợp cả hai phương pháp này một cách mềm dẻo, linh hoạt vào việc giải quyết các quan hệ Tư pháp quốc tế sẽ mang lại những tác động tích cực không chỉ đối với quan hệ đó nói riêng mà lớn hơn là tình hữu hảo, giao lưu, phát triển lâu dài giữa các quốc gia với nhau nói chung.

**II. Những ưu, nhược điểm của phương pháp giải quyết xung đột phát luật**

**1, Phương pháp thực chất**

Phương pháp thực chất được xây dựng trên cơ sở hệ thống các quy phạm thực chất trực tiếp giải quyết các quan hệ dân sự quốc tế, điều này có ý nghĩa là nó trực tiếp phân định quyền và nghĩa vụ rõ ràng giữa các bên tham gia quan hệ. Các quy phạm thực chất này thể hiện dưới hai hình thức:

+ Trong các điều ước quốc tế (quy phạm thực chất thống nhất): Đây là trường hợp mà quy phạm thực chất đã được nhất thể hóa trong các điều ước quốc tế. Trong quá trình hợp tác quốc tế về mọi mặt: kinh tế, thương mại, kỹ thuật, văn hóa, giao thông vận tải… Hay có thể nói rằng đây là quá trình quốc tế hóa đời sống KT-XH giữa các nước.

+ Trong các văn bản pháp luật của một quốc gia (quy phạm thực chất trong nước). Ví dụ: Luật đầu tư, Luật về chuyển giao công nghệ…

**a, Ưu điểm:**

Nhìn chung việc sử dụng phương pháp thực chất chính là việc các cơ quan có thẩm quyền giải quyết cũng như các bên tham gia quan hệ Tư pháp quốc tế sẽ chiếu theo các quy phạm thực chất đã được quy định sẵn trong các điều ước quốc tế hoặc đã được quy định trong luật quốc gia để chiếu xem xét và giải quyết các xung đột. Điều này có nghĩa là sẽ trực tiếp áp dụng quy phạm đó để giải quyết mà loại trừ việc phải chọn luật và áp dụng luật nước ngoài.

- Qua đây ta có thể thấy phương pháp này có ưu điểm hơn so với phương pháp xung đột đó là nó giải quyết trực tiếp các quan hệ và nó chỉ áp dụng trong các quan hệ, lĩnh vực cụ thể. Do đó, mà phương pháp này sẽ giúp cho việc giải quyết các xung đột được nhanh chóng hơn, do không phải qua giai đoạn chọn hệ thống luật và các quy phạm của hệ thống luật đó để giải quyết.

- Hơn nữa, do phương pháp này chỉ sử dụng đối với các bên tham gia quan hệ cụ thể trong các không gian giới hạn và đôi khi chỉ áp dụng với các chủ thể cụ thể. Vì thế mà  các chủ thể này thường biết trước các điều kiện pháp lý đó, để hợp tác với nhau trong các quan hệ, tránh được các xung đột xảy ra.

- Phương pháp này còn điều chỉnh trực tiếp bằng cách các quốc gia kí kết điều ước quốc tế mà trong các điều ước quốc tế đó tồn tại các quy phạm thực chất thống nhất, vì vậy nó đã làm tăng khả năng điều chỉnh hữu hiệu của luật pháp, tính khả thi cao hơn, loại bỏ được sự khác biệt, thậm chí mâu thuẫn trong luật pháp giữa các nước với nhau.

**b, Nhược điểm:**

Các quy  phạm thực chất, do tính cụ thể và trực tiếp của phương pháp mà đôi khi nó không thể trù liệu được hết các lĩnh vực cũng như quan hệ phát sinh.

Không những thế, phần lớn giữa các quốc gia có điều kiện kinh tế-chính trị-xã hội khác nhau do đó việc xây dựng một quy phạm thực chất thống nhất chung giữa các quốc gia là điều không hề đơn giản. Vì để đi đến thống nhất ý chí giữa các bên còn phải tốn rất nhiều thời gian và công sức.

Bên cạnh đó,  để có thể đi đến kí kết được các quy phạm thực chất, không đơn giản các quốc gia chỉ ngồi lại với nhau mà đôi bên còn  phải bỏ ra một lượng chi phí nhất định mới có thế bảo đảm quy phạm thực chất được xây dựng thành công. Trong khi đó, điều kiện kinh tế các quốc gia không phải lúc nào cũng cho phép. Do vậy, càng thêm khó khăn cho việc xây dựng các quy phạm này.

**2, Phương pháp xung đột**

Phương pháp xung đột được hình thành khá sớm và xây dựng trên nền tảng hệ thống các quy phạm xung đột của các quốc gia (kể cả QPXĐ trong các ĐƯQT mà quốc gia đó là thành viên), đó là hệ thống tổng thể các QPXĐ của nước mà tòa án ở đó có thẩm quyền giải quyết (theo nguyên tắc Lex fori). QPXĐ là quy phạm mang tính chất dẫn chiếu, ấn định luật pháp nước nào cần phải áp dụng để giải quyết QHPL dân sự có yếu tố nước ngoài trong một tình huống thực tế. Vì vậy cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải chọn ra một hệ thống pháp luật của nước này hay nước kia có liên đới tới yếu tố nước ngoài đề xác định quyền và nghĩa vụ giữa các bên đương sự.

**a, Ưu điểm:**

- Xuất phát từ đặc điểm của QPXĐ có thể thấy phương pháp xung đột mang tính chất chung, gián tiếp giải quyết các quan hệ cụ thể. Việc xây dựng các QPXĐ có một ý nghĩa quan trọng trong TPQT hiện nay, cụ thể: Trong điều kiện hiện nay khi mà nền KT-CT các quốc gia ngày càng phát triển, đòi hỏi các nước phải có quan hệ mật thiết với nhau. Và lúc đó, việc bảo hộ cho công dân nước nước mình tại nước ngoài cũng như trong nước sẽ là một vấn đề cần phải được đặt lên hàng đầu. Đặc biệt, các quan hệ pháp luật dân sự, thương mại, gia đình, lao động có yếu tố nước ngoài thuộc đối tượng điều chỉnh của TPQT là những quan hệ luôn có tính chất vượt ra khỏi “biên giới” của quốc gia hay nói cách khác nó luôn luôn liên quan đến một hoặc nhiều quốc gia khác.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy mỗi quốc gia có một chế độ chính trị, văn hóa và trình độ phát triển khác nhau kể cả có cùng chế độ chính trị, vì vậy khó khăn nằm ở chỗ hệ thống pháp luật của các quốc gia cũng sẽ khác nhau khi quy định về cùng một vấn đề. Chẳng hạn, về độ tuổi kết hôn: ở Việt Nam là 18 tuổi với nữ, 20 tuổi với nam, nhưng ở Trung Quốc thì tuổi này là 20 và 22, còn ở Pháp là 16 và 18, riêng nước Anh thì cả nam và nữ đều là 16. Do đó, việc thừa nhận QPXĐ là công cụ chủ yếu để thiết lập và bảo đảm một trật tự pháp lý trong QHPL dân sự quốc tế. Chính vì thế, phương pháp xung đột được sử dụng cả ở các nước theo hệ thống luật thực định (VD: các nước châu Âu lục địa như Đức, Pháp…), cũng như ở các nước theo hệ thống luật thực hành (VD: Anh, Pháp…).

- Phương pháp xung đột giúp cho việc giải quyết các vấn đề dân sự có yếu tố nước ngoài một cách thuận lợi, dễ dàng hơn. Qua đó, tránh được những tranh chấp giữa các quốc gia, gây bất ổn đến quan hệ giữa các nước với nhau, quan trọng nhất là điều hòa được lợi ích giữa các quốc gia. Ví dụ: Công ty A Hàn Quốc kí hợp đồng mua bán thiết bị máy tính với công ty B của Anh. Hai bên thỏa thuận thuê xe vận chuyển theo như hợp đồng. Tuy nhiên, phát sinh tranh chấp khi trong quá trình vận chuyển do không bảo quản tốt đã để hàng hóa dính nước mặn, dẫn đến thiệt hại. Vậy trong trường hợp đó, cần phải sử dụng luật của bên nào để giải quyết tranh chấp, khi mà pháp luật điều chỉnh của 2 bên về vấn đề này là khác nhau?

**b, Nhược điểm:**

Bên cạnh những ưu điểm của phương pháp này, còn phải nói đến những hạn chế nhất định không thể tránh khỏi. Cụ thể:

- Vì pháp luật của các nước có những quy định khác nhau, việc sử dụng QPXĐ để giải quyết xem ra là giải pháp tốt nhất. Tuy nhiên, do tinhs chất đặc thù và riêng biệt của QPXĐ mà vẫn có những trường hợp Tòa án không chọn được luật thực chất để áp dụng bởi chưa có quy phạm xung đột trong lĩnh vực đó. Lúc này Tòa án cần xem xét hệ thống luật pháp của nước mình để tìm ra các quy định cần thiết để giải quyết vụ việc.

Khi xem xét nội dung của phương pháp xung đột ta thấy rất trừu tượng, đòi hỏi phải có chuyên môn sâu trong lĩnh vực pháp luật mới có thể hiểu được đầy đủ. Trong khi đó, đội ngũ chuyên gia luật không phải ở nước nào cũng giỏi mà vấn đề áp dụng QPXĐ lại phức tạp. Vì vậy, dễ xảy ra tính chất không nhất quán đối với một vụ việc nếu giải quyết ở Tòa án có thẩm quyền tại các nước khác nhau, dẫn đến việc các bên khi ký kết các hợp đồng cần phải thấy trước luật của nước nào sẽ có khả năng áp dụng hoặc phải chọn sẵn luật nước nào để áp dụng cho quan hệ đó.

Phương pháp xung đột được áp dụng trong hệ thống luật Anh – Mỹ còn phức tạp hơn nhiều. Ở đây, Tòa án có thẩm quyền rất rộng, còn các QPXĐ lại được hình thành trên cơ sở án lệ (thực tiễn tòa án và trọng tài). Điều này dẫn đến rất nhiều khả năng xảy ra trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại trong quan hệ hợp đồng mà các bên khi tham gia các quan hệ đó không thể lường trước được.

- Cần phải nói đến đặc trưng trung lập, khách quan của PPXĐ. Rõ ràng là, không hoàn toàn trung lập hay khách quan khi quy phạm pháp luật xung đột dẫn chiếu đến luật nước nào thì áp dụng luật nước đó. Thực tế ai cũng biết là khi quyết định lựa chọn luật nào được áp dụng thì thẩm phán thông qua lăng kính ý chí chủ quan của mình đã hình dung trước, hay nhìn thấy trước hệ quả của việc áp dụng đó. Như vậy, phải chăng Tòa án làm ra vẻ khách quan khi dựa vào quy phạm pháp luật xung đột để lựa chọn luật áp dụng, nhưng thực tế thì họ đã nhìn thấy trước hệ quả của nó khi áp dụng một hệ thống pháp luật nào đó?

- Trong quan hệ thương mại quốc tế hiện đại, người ta thường áp dụng loại hệ thuộc xung đột mới là tự do lựa chọn luật áp dụng. Chính sự tự do này đôi khi khiến cho các bên đương sự lạm dụng khi tránh không phải áp dụng một hệ thống pháp luật mà đáng lẽ nó phải được áp dụng. Do đó, phải xem xét yếu tố trung lập. Khách quan, có còn tồn tại không, hay vi phạm pháp luật xung đột, như chính quy phạm pháp luật, cũng chỉ là sản phẩm của con người trong quá trình hoạt động nhận thức hiện thực quanh mình, từ đó hình thành nên quy tắc ứng xử cho hành vi?

¬ Mối liên hệ giữa hai phương pháp trên:

Có thể  thấy, phương pháp xung đột và việc áp dụng các quy phạm xung đột là phương pháp chủ yếu được sử dụng hiện nay bởi nó xuất phát từ thực tiễn áp dụng trong TPQT, khả năng dễ xây dựng cũng như ít tốn kém vể chi phí vì chỉ thông qua thỏa thuận giữa hai bên mà thôi. Mặc dù, đi sâu vào nghiên cứu hai phương pháp trên, ta thấy phương pháp thực chất thể hiện được tính ưu việt hơn hẳn so với phương pháp xung đột bởi sự nhanh chóng, cụ thể trong việc áp dụng luật điều chỉnh một quan hệ pháp luật nào đó. Tuy nhiên, phương pháp thực chất khó có thể xây dựng và đi đến thống nhất giữa các bên bởi hầu hết các quốc gia không có sự tương đồng về lịch sử, dân tộc, trình độ phát triển và lợi ích… Do đó, việc xây dựng được một quy phạm thực chất quả rất khó khăn.

Về mặt nào đó, ta có thể nói việc thống nhất hóa các quy phạm xung đột nó cũng góp phần củng cố cho việc nhất thể hóa các quy phạm thực chất. Khi QPXĐ dẫn chiếu tới một hệ thống pháp luật cụ thể mà các quy phạm thực chất được áp dụng để giải quyết quan hệ một cách dứt điểm, thì ở đây ta lại thấy tính chất “song hành” giữa QPXĐ với QPTC trong điều chỉnh pháp luât.

Như vậy, sự thống nhất trong cơ cấu, hệ thống các QPXĐ và QPTC của TPQT là nền tảng cần thiết của hai phương pháp điều chỉnh để giải quyết một loại quan hệ pháp luật, đó là quan hệ dân sự quốc tế. Qua đó, ấn định một quy tắc xử sự chung, bảo đảm tốt nhất cho quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia vào quan hệ đó.

**III. Thực tiễn áp dụng PP GQXĐ tại Việt Nam**

**1. Các quy định của pháp luật Việt Nam về các phương pháp giải quyết xung đột pháp luật.**

Pháp luật Việt Nam không có những điều luật cụ thể nói về khái niệm, định nghĩa các phương pháp, nhưng chúng ta có thể rút ra từ những quy định mà bản chất chính là sự áp dụng các phương pháp đó trong các vấn đề cụ thể.

**a, Đối với phương pháp thực chất**

Xuất phát từ chủ quyền quốc gia, quốc gia có quyền tài phán đối với các chủ thể, quan hệ có yếu tố nước ngoài trong lãnh thổ của mình. Chính vì thế, nhà nước Việt Nam đã ban hành những văn bản pháp luật quy định trực tiếp quyền và nghĩa vụ đối với người nước ngoài.

Phần lớn các quy định trong hệ thống pháp luật Việt Nam có liên quan đến người nước ngoài là các quy phạm thực chất. Chúng được thể hiện ở nhiều văn bản như Luật sở hữu trí tuệ, Luật đầu tư, Luật về chuyển giao công nghệ…Ví dụ: Tại Khoản 1 Điều 4 của Luật về chuyển giao công nghệ quy định: “Hoạt động chuyển giao công nghệ phải tuân theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật; trường hợp hoạt động chuyển giao công nghệ đặc thù được quy định trong luật khác thì áp dụng quy định của luật đó”.

Bên cạnh luật quốc gia, các quy phạm thực chất còn được thể hiện trong điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết hoặc gia nhập. Một số điều ước quốc tế quan trọng như: Công ước Paris 1883 về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, Công ước Bécnơ 1886 về bảo hộ quyền tác giả; Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán quốc tế…Trong các điều ước quốc tế đó, các bên (có Việt Nam) thỏa thuận với nhau những cách thức, giải pháp giải quyết các vấn đề khi tranh chấp xảy ra.

Ngoài ra, phương pháp thực chất còn thể hiện ở các tập quán quốc tế mà Việt Nam công nhận. Khi đó, những tập quán đó được áp dụng và các chủ thể sẽ bị xử lý theo pháp luật khi họ vi phạm. VD: hệ thống tập quán trong Incoterms 1990 như CIF, FOB, CFR…

**b, Đối với phương pháp xung đột**

Xu thế hội nhập với thế giới đã làm phát sinh những vấn đề liên quan đến hai hay nhiều nước khi công dân, pháp nhân của họ tham gia quan hệ pháp luật với nhau… Để giải quyết những vấn đề pháp lý trên, khi mà không thể sử dụng được ngay các quy phạm thực chất thì luật pháp của mỗi nước đều đã xây dựng những QPXĐ riêng của mình.

Ở Việt Nam cũng vậy, QPXĐ thường được thể hiện trong các văn bản pháp luật quốc gia như: Bộ luật dân sự 2005, Luật hôn nhân và gia đình 2000, Bộ luật hàng hải… Tuy nhiên, QPXĐ trong luật pháp thường xây được xây dựng trong BLDS là chủ yếu. Bởi lẽ chúng điều chỉnh các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Do đó, QPXĐ luôn mang tính chất dân sự. Hơn thế nữa, QPXĐ cùng với các quy phạm thực chất mà nó dẫn chiếu tới quy định các quy tắc xử sự cho các bên tham gia các quá trình quan hệ dân sự. Ví dụ: Căn cứ vào khoản 1 Điều 766 BLDSVN 2005 quy định: “Việc xác lập, chấm dứt quyền sở hữu, nội dung quyền sở hữu đối với tài sản  được xác định theo pháp luật của nước nơi có tài sản đó…”.

Bên cạnh đó, các QPXĐ còn được quy định trong các hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý (song phương và đa phương) giữa Việt Nam và các quốc gia khác. Ví dụ như Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa CHXHCNVN và Liên bang Nga năm 1998… Các quy định này có ý nghĩa đặc biệt quan trong trong tố tụng dân sự quốc tế.

**2. Vấn đề áp dụng phương pháp giải quyết XĐPL trong những vụ việc cụ thể**

**a, Thực tiễn áp dụng phương pháp xung đột**

Trong các giáo trình và các bài nghiên cứu về tư pháp quốc tế của Việt nam hiện nay, hiện tượng xung đột pháp luật trong các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài hiểu theo nghĩa rộng và cấu trúc của quy phạm xung đột pháp luật tưởng chừng như đã được hiểu biết một cách thấu đáo. Tuy nhiên, thực tiễn những năm cải cách và mở cửa của nước ta cho thấy các giải pháp nhằm sử lý các hiện tượng xung đột về thẩm quyền xét xử và xung đột về luật áp dụng vẫn chưa đạt được sự thống nhất của Tòa án nhân dân tối cao. Nhiều vấn đề về nhận thức, quan niệm và các nguyên tắc vẫn chưa được làm sáng tỏ ở góc độ nguyên cứu lẫn thực tiễn xét xử. Cụ thể:

Theo quan niệm truyền thống thì khi có hiện tượng hai hay nhiều hệ thống pháp luật khác nhau cùng có thể được áp dụng để điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh, người ta nói đến xung đột pháp luật. Vấn đề đặt ra là cơ quan tài phán nào có thẩm quyền và sẽ phải “chọn luật” nào để áp dụng nhằm giải quyết tranh chấp đó? Có thể nói, xung đột pháp luật là đặt thù của tư pháp quốc tế – được hiểu như một ngành luật trong nước. Tuy nhiên, thật ra quan hệ giữa cá nhân với cá nhân trong tư pháp quốc tế cần được hiểu theo khái niệm rộng hơn, bao hàm cả việc ký kết và thực hiện các hợp đồng giữa các doanh nghiệp thuộc các nước khác nhau. Không những thế, nó còn mở rộng đến một loạt quan hệ mới như bảo hiểm, chuyển giao công nghệ, sở hữu công nghiệp, thương mại điện tử…Vấn đề là ở chổ, chính trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế thế giới và thương mại điện tử đã khiến chúng ta phải đặt lại suy nghĩ, nhận thức, quan niệm về cái gọi là “yếu tố nước ngoài”.

“Yếu tố nước ngoài” không đơn giản chỉ là sự khác biệt nước này với nước kia, mà bao hàm cả sự khác biệt về quốc tịch, nơi xảy ra hành vi, nơi có tài sản, nơi giải quyết xung đột…Vì thế, quan niệm coi tư pháp quốc tế như một “vùng đệm”, hay “sự giao thoa” giữa luật quốc tế và luật quốc gia cần phải được tiếp tục nghiên cứu và phát triển. Nói cụ thể hơn, khi bàn đến thẩm quyền xét xử quốc tế các tranh chấp có yếu tố nước ngoài, suy cho cùng lại do một Tòa án hoặc Trọng tài quốc gia nào đó phán quyết, đồng nghĩa với cơ quan tài phán quốc gia, nên “sự giao thoa” này liệu phải có một giới hạn nào đó cho việc phân định?

Lấy dẫn chứng như theo Thông tư số 11 ngày 12/7/1974 của Tòa án nhân dân tối cao Việt Nam hướng dẫn một số vấn đề về nguyên tắc và thủ tục trong việc giải quyết lý hôn có yếu tố nước ngoài thì: “khi cần có sự tham khảo pháp luật của nước ngoài […] Tòa án nhân dân tối cao sẽ thông qua các cơ quan hữu quan trung ương để tìm hiểu và xác định nội dung của pháp luật cần tham khảo của nước ngoài nhằm hướng dẫn cho Tòa án nhân dân địa phương vận dụng một cách đúng đắn”. Như vậy, trường hợp này xác định thẩm quyền lựa chọn pháp luật thuộc về Tòa án

Bên cạnh đó, TPQT Việt Nam theo một số quan điểm còn xác định trong một số trường hợp nhất định, các đương sự khi tham gia vào quan hệ pháp lý quốc tế có thể tự do lựa chọn cho mình việc được áp dụng pháp luật nước nào.

Để thấy rõ hơn việc áp dụng phương pháp xung đột ở Việt Nam như thế nào, ta xem xét trên những vấn đề sau:

- Vấn đề dẫn chiếu tới pháp luật của quốc gia chưa được công nhận: Quan điểm của Việt Nam được thể hiện rõ nét trong Hiến pháp 1992 cũng như trong các văn bản pháp quy của nhà nước và cả trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia kí kết đều nhất quán không có sự phân biệt, kì thị nào giữa các quốc gia chưa được công nhận với các quốc gia khác. Theo đó, trong trường hợp phải áp dụng pháp luật của những quốc gia này để giải quyết các quan hệ pháp luật phát sinh thì Việt Nam vẫn chấp nhận.

- Vấn đề bảo lưu trật tự công: Các quy định về “bảo lưu trật tự công” được Việt Nam thừa nhận thể hiện thông qua các văn bản pháp lý quan trọng  như: Hiếp pháp 1992, Bộ luật dân sự 2005, Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam 2000… Ví dụ: khoản 4 Điều 759 BLDS, Điều 101 Luật hôn nhân và gia đình… Bên cạnh đó, vấn đề này còn được ghi nhận trong một số điều ước quốc tế như:  Công ước NewYork 1958 (Điều 5), Hiệp định tương trợ tư pháp Việt Nam – Ba Lan 1993 (Điều 12), Hiệp định tương trợ tư pháp Việt Nam – Liên bang Nga 1998 (Điều 7)…

Nội dung của các quy định này làm rõ “trật tự công cộng” là các nguyên tắc cơ bản tạo ra một trật tự pháp lý trong chế độ XHCN. Việc áp dụng bảo lưu trật tự công thể hiện tính chất chủ quyền của quốc gia trong việc bảo đảm, giữ gìn an ninh, kinh tế, đạo đức, lối sống… của nước mình. Tuy nhiên, cần phải hiểu đó không phải là việc phủ nhận các hệ thống luật nước ngoài trên thế giới mà chỉ là không áp dụng các quy định liên quan không phù hợp. Việc vận dụng nguyên tắc này cần phải thận trọng trên cơ sở khách quan, nghiêm túc nguyên tắc pháp chế XHCN.

- Vấn đề lẩn tránh pháp luật: Đây là hiện tượng đương sự dùng những biện pháp, thủ đoạn để thoát khỏi hệ thống pháp luật đáng nhẽ phải được áp dụng để điều chỉnh các quan hệ của họ và thay bằng một hệ thống pháp luật khác có lợi hơn cho mình (VD:thay đổi quốc tịch, thay đổi nơi cư trú…). Về vấn đề này, Việt Nam nghiêm khắc phản đối, không chấp nhận các hành vi lẩn tránh pháp luật. Tuy thực tiễn hầu như chưa thấy xuất hiện hiện tượng này, nhưng trong một số văn bản pháp quy đã có những quy định phòng trừ. VD: Khoản 1 Điều 20 NĐ 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 quy định chi tiết một số điều Luật HN và GĐ có yếu tố nước ngoài.

- Vấn đề dẫn chiếu ngược và dẫn chiếu pháp luật của nước thứ ba: Hiện nay có hai quan điểm: một là không xảy ra dẫn chiếu ngược và luật thực chất của nước được dẫn chiếu sẽ được áp dụng và quan điểm ngược lại là chấp nhận dẫn chiếu ngược trở lại, cũng như dẫn chiếu đến luật pháp của nước thứ ba. Quan điểm rõ ràng của Việt Nam về vấn đề này là chấp nhận việc dẫn chiếu ngược trở lại. Cụ thể: Theo điều 103 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam 2000 quy định: “Trong việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, mỗi bên phải tuân theo pháp luật của nước mình về điều kiện kết hôn; nếu việc kết hôn được tiến hành tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thì người nước ngoài còn phải tuân theo các quy định của Luật này về điều kiện kết hôn”. Như vậy, công dân nước nào sẽ tuân thủ pháp luật của nước đó.

Tuy nhiên, trong trường hợp PL nước ngoài dẫn chiếu trở lại pháp luật Việt Nam mà xảy ra xung đột (VD: tuổi kết hôn của Việt Nam là 18, 20 còn tuổi kết hôn ở Anh là 16) thì căn cứ vào khoản 3 Điều 759 BLDSVN 2005: “…trường hợp pháp luật nước đó dẫn chiếu trở lại pháp luật Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì áp dụng pháp luật Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

**b, Thực tiễn áp dụng phương pháp thực chất**

Các quy phạm thực chất luôn thế hiện những ưu thế hơn của nó so với quy phạm xung đột. Tuy nhiên, việc khó xây dựng các quy phạm thực chất giải thích tại sao lại không nhiều các quy phạm thực chất trong hệ thống pháp luật của các quốc gia hoặc các điều ước quốc tế. Mặc dù vậy, trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, Việt Nam nên xây dựng thêm các quy phạm thực chất là điều cần thiết, nó làm giảm hoặc thậm chí triệt tiêu sự khác biệt trong luật pháp của các quốc gia và có tính chất đơn gian hóa và hữu hiệu hóa trong điều chỉnh các quan hệ TPQT.

Pháp luật Việt Nam đã chỉ rõ các phương thức giải quyết tranh chấp mà không cần phải dẫn chiếu áp dụng luật của quốc gia nào. Ví dụ: khoản 1 Điều 4 của Luật về chuyển giao công nghệ quy định: “Tranh chấp liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam được giải quyết qua thương lượng, hòa giải, Trọng tài hoặc Tòa án”.

Bên cạnh đó, Việt Nam còn áp dụng các quy phạm thực chất từ nguồn quốc tế. Ví dụ: Việt Nam đã gia nhập Công ước Becner 1886 về bảo hộ quyền tác giả; Công ước Liên hiệp quốc về hợp đồng mua bán quốc tế (Công ước Viên 1980),…

**3, Những giải pháp, phương hướng hoàn thiện phương pháp xung đột ở nước ta hiện nay.**

**a, Giải pháp**

- Khai thác những quy phạm xung đột đã tồn tại: Lấy dẫn chứng một trong những quy phạm xung đột đã tồn tại mà chúng ta có thể khai thác là Điều 833, khoản 1, Bộ luật dân sự 1995 (Đ766, K1, BLDS 2005). Theo điều khoản này, "việc xác lập, chấm dứt quyền sở hữu, nội dung quyền sở hữu đối với tài sản được xác định theo pháp luật của nước nơi có tài sản đó, trừ trường hợp pháp luật Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quy định khác". Điều 833, khoản 1 không định nghĩa thế nào là "việc xác lập" quyền sở hữu đối với tài sản. Trước sự chung chung và trừu tượng này của Điều 833, khoản 1, thông qua việc giải thích pháp luật, chúng ta có thể coi thừa kế theo pháp luật là một "việc xác lập" quyền sở hữu đối với tài sản. Cách giải thích này có thể được chấp nhận vì theo Điều 176, khoản 5, BLDS 1995 (Đ170, K5, BLDS 2005): "quyền sở hữu được xác lập đối với tài sản trong các trường hợp sau đây:… được thừa kế tài sản".

- Ngoài giải pháp khai thác quy phạm xung đột đã tồn tại bằng cách giải thích luật, để hoàn thiện Tư pháp quốc tế nước ta về vấn đề xung đột pháp luật, chúng ta có thể xây dựng thêm quy phạm xung đột mới để điều chỉnh. Theo đó, sẽ áp dụng pháp luật của nước Việt Nam hoặc pháp luật của nước ngoài tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

- Bên cạnh đó, cần sớm hoàn thiện cụ thể hơn nữa các quy định về thẩm quyền lựa chọn và áp dụng pháp luật thuôc về ai khi các quan hệ TPQT phát sinh.

**b, Phương hướng**

- Trong Tư pháp quốc tế, khi chọn pháp luật điều chỉnh quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, chúng ta sẽ chọn hệ thống pháp luật có quan hệ mật thiết với loại quan hệ cần giải quyết. Thông thường, việc định hình hệ thống pháp luật có quan hệ mật thiết với loại quan hệ cần điều chỉnh khá dễ dàng. Ví dụ: Pháp luật có quan hệ mật thiết với tranh chấp về quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng thường là pháp luật nơi thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, đối với một quan hệ phức tạp, có quan hệ gắn bó với nhiều hệ thống luật khác nhau thì khi chọn hệ thống pháp luật để điều chỉnh, chúng ta không nên bỏ qua những bản chất cốt yếu của quan hệ pháp luật có yếu tố nước ngoài đó.

- Trong Tư pháp quốc tế các nước, khi chọn một hệ thống pháp luật để điều chỉnh quan hệ nào đó theo pháp luật có yếu tố nước ngoài, các luật gia thường đưa ra một tiêu chí mà theo đó pháp luật của Tòa án là pháp luật sẽ thường xuyên được áp dụng để giải quyết trong thực tế. Nguyên nhân có thể hiểu:

+ Tòa án biết rõ pháp luật nước mình hơn pháp luật nước ngoài về vấn đề đó, do đó việc áp dụng thường xuyên pháp luật của Tòa án sẽ làm giảm khó khăn trong công tác xét xử.

+ Nếu cho phép pháp luật nước ngoài là pháp luật áp dụng để giải quyết vấn đề đó theo pháp luật, Tòa án cũng như các bên trong quan hệ thừa kế phải biết nội dung của pháp luật nước ngoài. Để biết nội dung pháp luật nước ngoài, Tòa án hoặc các bên trong tranh chấp sẽ tự tìm hiểu và do không biết nội dung pháp luật nước ngoài nên Tòa án cũng như các bên trong tranh chấp phải thuê chuyên gia về luật nước ngoài, đây là một việc khó và tốn kém.

Chính vì hai lý do căn bản trên mà các nước sử dụng tiêu chí chọn luật khác nhau để làm sao pháp luật của Tòa án có nhiều cơ hội áp dụng hơn pháp luật nước ngoài.

- Một khó khăn đáng chú ý khi dùng tiêu chí dẫn chiếu quốc tịch một cá nhân là đôi khi chúng ta không xác định được quốc tịch của cá nhân đó. Nếu hoàn cảnh này xảy ra, thiết nghĩ luật pháp nên quy định thêm về vấn đề này để việc giải quyết các tranh chấp phát sinh được dễ dàng, nhanh chóng.

**C. LỜI KẾT**

Sự hợp tác quốc tế về mọi mặt giữa các quốc gia là hiện thực tất yếu khách quan trong mọi thời đại, nhất là trong xu thế hội nhập toàn cầu hóa hiện nay. Việt Nam, một quốc gia đang trên đà phát triển cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Xét về cơ sở lý luận cũng như thực tiễn, TPQT ở các quốc gia khác nhau còn có nhiều sự khác biệt, điều này tạo ra những rào cản, hạn chế sự giao lưu, hợp tác giữa các quốc gia. Do đó, TPQT Việt Nam cần không ngừng củng cố và hoàn thiện hơn nữa, nhất là với việc xây dựng ra một phương pháp giải quyết XĐPL khách quan, hợp lý. Có như vậy mới tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức trong nước cũng như nước ngoài tham gia vào các quan hệ pháp luật tư pháp, góp phần thúc đẩy nền kinh tế - xã hội đất nước ngày càng phát triển.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Tư pháp quốc tế, Nxb Công an nhân dân, 2009

2. TS. Đỗ Văn Đại, Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo pháp luật trong TPQT Việt Nam .

3. Website:

- Tản mạn về xung đột pháp luật:

http://lawctu.com/forum/http://www.lawctu.com/forum/nhung-van-de-chung-ve-nha-nuoc-va-phap-luat-f149/tan-man-ve-xung-dot-phap-luat-t1667